

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **256/2022/DS-ST**

Ngày: 07-7-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và
Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoài Phong

2/ Ông Tạ Công Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

Đại diện ủy quyền: Lữ Văn T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp PX, xã HKT A, huyện MCB, tỉnh BT.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022).

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện CT, tỉnh TG.

(Anh T và chị L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Qua quen biết, từ năm 2014, 2015 chị Nguyễn Thị L (tên thường gọi là 8 M) có tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Thị T là chủ hụi. Quá trình chơi hụi chị L đã hót hụi, chị T đã giao đủ số tiền hụi cho chị L. Tuy nhiên, sau khi hụi đã mãn thì chị L vẫn không tiếp tục đóng số tiền hụi chết còn nợ lại. Đến ngày 06/9/2016 (âl) chị L có hỏi vay của chị T số tiền là 10.000.000đồng, không thời hạn trả và không thỏa thuận lãi. Sau khi mượn tiền thì mỗi tháng chị L có trả cho chị T từ 100.000đồng đến 200.000đồng. Đến ngày 27/9/2020 (âl) hai bên đối chiếu tiền nợ thì chị L xác nhận còn nợ chị T số tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 74.600.000đồng, hẹn đến ngày 27/10/2020 (âl) tức vào ngày 11/12/2020 (dương lịch) thì sẽ trả, hai bên có lập biên nhận và chị L có ký tên, điểm chỉ. Tuy nhiên đến hạn trả tiền chị L vẫn không thực hiện như đã thỏa thuận. Nay chị T yêu cầu chị L trả số tiền hụi và tiền vay là 74.600.000đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 12/12/2020 cho đến khi xét xử.

Tại bản tự khai đề ngày 24/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L (tên thường gọi là 8 M) xác nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy xác nhận nợ lập ngày 27/9/2020 (âl) cùng dấu lằn tay là của chị L. Nguồn gốc số tiền nợ 74.600.000đồng là tiền nợ hụi của anh V (chị L không biết chính xác họ tên là gì và cũng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu). Chị L chỉ là người đứng ra giới thiệu cho anh V tham gia chơi hụi do chị T làm chủ hụi, việc chơi hụi giữa hai bên chị L không có tham gia, chị L chỉ đứng ra đưa tiền đóng hụi qua lại giữa hai bên. Sau này chị T bị vỡ nợ hụi thì ba ruột của chị T có hứa cho chị T tiền để trả nợ, chị T đến nhà chị L nói rằng chị L ký tên vào giấy xác nhận nợ nêu trên để chị T mới nhận được tiền nên chị L mới ký, chị L ký với mục đích là chị T được cho tiền trả nợ chứ không phải ký để lãnh nợ dùm cho anh V. Nay chị L không đồng ý trả số tiền 74.600.000đồng cho chị T vì đây không phải là nợ của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 74.600.000đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 12/12/2020 cho đến khi xét xử là 18 tháng 25 ngày với số tiền là 11.661.215đồng. Bị đơn chị Nguyễn Thị L thừa nhận số nợ 74.600.000đồng là tiền nợ hụi và tiền vay mà chị L còn nợ của chị T. Chị L đồng

ý trả số tiền 74.600.000đồng nêu trên cho chị T nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ, đối với yêu cầu tính lãi chị L không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào “Giấy xác nhận và cam kết” được lập ngày 27/9/2020 được giao kết giữa chị T và chị L thể hiện bị đơn chị L có nợ chị T số tiền là 74.600.000đồng, cam kết đến ngày 27/10/2020 (âl) bị đơn sẽ thanh toán nợ. Theo nội dung trong giấy cam kết ngày 27/9/2020 (âl) thì số tiền trên là tiền chị L vay của chị T, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 27/10/2020 (âl). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất nguồn gốc số tiền 74.600.000đồng là gồm tiền hui và tiền vay. Đến ngày 27/9/2020 (âl) khi kết nợ thì chị T và chị L đã cộng hai khoản tiền trên vào trong một biên nhận thành số tiền tổng cộng là 74.600.000đồng, hai bên thống nhất, có lập giấy cam kết và chị L có ký tên, điểm chỉ, thỏa thuận đến ngày 27/10/2020 (âl) tức vào ngày 11/12/2020 (dương lịch) sẽ thanh toán nợ nhưng đến hạn chị L vẫn không thực hiện như thỏa thuận dù nguyên đơn chị T đã nhiều lần yêu cầu chị L trả nợ. Xét lời trình bày này của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị L còn nợ chị T số tiền hui và tiền vay là 74.600.000đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn cứ hứa hẹn kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn, do đó cần buộc bị đơn trả số tiền 74.600.000đồng cho nguyên đơn trong một thời gian nhất định, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày vi phạm 12/12/2020 đến khi xét xử là 18 tháng 25 ngày với số tiền là 11.661.215đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 86.261.215đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 86.261.215đồng (Tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi một nghìn hai trăm mười lăm đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị L chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 4.313.060đồng.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 2.113.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004234 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh